TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** TỈNH A	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/DS-ST
Ngày: 24-12-2021
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cù Minh Sâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Hoàng;

2. Ông Nguyễn Thanh Thuần.

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Võ Thanh Hùng, Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh A.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh A tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Hoàng Phong, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2020, về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2021/QĐXXST-DS ngày 02/11/2021,và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2021/QĐST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng T, địa chỉ: Số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phương 8, Quận 3, Thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm - Tổng Giám đốc. Người đại diện ủy quyền: Ông Trần Minh Sơn- Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng T - chi nhánh A, địa chỉ: số 333 Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh A (Theo Quyết định số 3977/2020/QĐ-PL ngày 28/12/2020). Ông Trần Minh Sơn ủy quyền lại cho ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1991- chức vụ: Phó phòng giao dịch T - chi nhánh A, theo Giấy ủy quyền ngày 22/12/2021;

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1987, địa chỉ: ấp N, xã T, huyện T, tỉnh A.

Ông Nguyễn Văn C có mặt, bà Lê Thị Kim L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng T trình bày: Vào ngày 28/03/2019, bà Lê Thị Kim L có vay của Ngân hàng T số tiền vốn gốc là 30.000.000 đồng, theo Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận số 01171-00430 ngày 28/3/2019, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh bán cà phê, thời hạn 184 ngày, lãi suất 24%/năm/năm tương ứng với lãi suất tại thời điểm cho vay.

Cho vay không có tài sản đảm bảo. Bên được cấp tính dụng đồng ý không hủy ngang vô điều kiện cho Sacombank được toàn quyền xử lý (hoặc chỉ định bên thứ ba để xử lý) bất kỳ tài sản nào thuộc sở của bên được cấp tín dụng để thu hồi nợ trong trường hợp Bên được cấp tín dụng vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào theo hợp đồng này.

Trong quá trình vay, bà Lê Thị Kim L đã thanh toán được số tiền vốn 22.115.800 đồng và lãi 198,000 đồng, Nhưng bà L không tiếp tục thực hiên nghĩa vụ trả nợ của mình cho Ngân hàng, việc này đã vi phạm Hợp đồng tín dụng đã ký. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ làm việc nhưng không có kết quả. Bà L còn nợ Ngân hàng T với tiền vốn 7.884.200 đồng và lãi là 3,431,600 đồng.

Do đó Ngân hàng T yêu cầu:

- Bà Lê Thị Kim L phải thanh toán cho Ngân hàng vốn 7.884.200 đồng và lãi là 3,431,600 đồng. Không yêu cầu tính lãi tiếp theo như hợp đồng đã ký kết cho đến khi thi hành án xong.

Bị đơn bà Lê Thị Kim L đã được Tòa án triệu tập nhiều lần, nhưng vắng mặt không có lý do, nên vụ án không thể tiến hành hòa giải được

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau:

- Về tố tụng:

+ Thẩm phán: Được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Thẩm phán còn để quá thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại điều 203 BLTTDS.

+ Hội đồng xét xử, Thư ký: Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, cơ bản đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73, 74 BLTTDS.

- Về nội dung: Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nợ số 01171-00430 ngày 28/03/2017 được xác lập giữa Ngân hàng T - Chi nhánh A - PGD T với Lê Thị Kim L là trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên. Tính từ lúc vay, Lê Thị Kim L đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ mặc dù được Ngân hàng nhiều lần nhắc nợ. Vì vậy bà Lê Thị Kim L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả số tiền vốn 7.884.200 đồng và lãi là 3,431,600 đồng là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền: Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Kim L trả số tiền đã vay theo hợp đồng vay số theo Hợp đồng tín dụng số 01171-00430 ngày 28/3/2019; Bà Lê Thị Kim L đang cư trú trên địa bàn huyện T; nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2019.

[1.2] Sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bà Lê Thị Kim L được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên xét xử vắng mặt bà Tuyền theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2019.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số theo Hợp đồng tín dụng số số 01171-00430 ngày 28/3/2019, thời hạn vay 184 ngày, trả góp trả gốc và lãi hàng ngày. Bà Lê Thị Kim L đã vi phạm hợp đồng từ ngày 03/6/2019, đến ngày 29/10/2020 Ngân hàng khởi kiện, nên vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2019, Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 là 03 năm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét thấy, bà Lê Thị Kim L có vay của Ngân hàng T - Chi nhánh A - PGD T số tiền vốn gốc 30.000.000 đồng, theo Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số 01171-00430 ngày 28/3/2019, thỏa thuận mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh bán cà phê, thời hạn 184 ngày, lãi suất 24%/năm tương ứng với lãi suất tại thời điểm cho vay, theo phương thức trả góp 182.900 đồng/ngày, số tiền trả cuối kỳ 158.900 đồng, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 29/3/2019; Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà L đã thực hiện trả vốn được 22,115,800 đồng, lãi 198,000 đồng; Thì bà L không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ đã vi phạm như đã thỏa thuận, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[2.2] Căn cứ Điều 5 của Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số 01171-00430 ngày 28/3/2019 và Phụ lục hợp đồng kèm theo thì thì lãi suất vay 24%/năm tính trên số dư nợ thực tế, trường hợp chậm trả nợ gốc, bên được cấp tín dụng phải chịu lãi suất quá hạn 150%/năm lãi suất trong hạn và chịu lãi phạt 10%/năm đối với số dư trên lãi chậm trả. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng ngày 17/6/2010 thì *" Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"* và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của Tổ

chức tín dụng đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Theo đó, bà L sẽ tiếp tục chịu lãi theo lãi suất trong Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số 01171-00430 ngày 28/3/2019 và phụ lục hợp đồng đã ký kết cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản nợ; Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện Ngân hàng chỉ yêu cầu trả mức lãi suất cố định và không yêu cầu điều chỉnh lãi suất Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số 01171-00430 ngày 28/3/2019 và phụ lục hợp đồng kèm theo đã ký kết, xét lãi Ngân hàng yêu cầu không vượt mức đã thỏa thuận, nên có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Từ những phân tích trên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị Kim L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho Ngân hàng T tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 136, Điều 138, Điều 144, Điều 147,Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2019; khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Thông tư số 36/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của của Ngân hàng T

Buộc bà Lê Thị Kim L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng T số tiền còn nợ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số 01171-00430 ngày 28/3/2019 vốn gốc vốn 7.884.200 (Bảy triệu tám trăm tám mươi bốn ngàn hai trăm đồng) và lãi là 3,431,600 (Ba triệu bốn trăm ba mươi mốt ngàn sáu trăm đồng).

Về án phí:

- Bà Lê Thị Kim L phải chịu 565,000 *(năm trăm sáu mươi lăm ngàn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm;

- Hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền 532.000 *(năm trăm ba mươi hai ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu số TU/2019/0005884 ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Ngân hàng T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh A xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà Lê Thị Kim L là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKS nhân dân H. T (1);
- Tòa án nhân dân tỉnh A(1);
- Thi hành án DS H. T(1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cù Minh Sâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cù Minh Sâm